

# Quan hệ gia đình, dòng họ và hoạt động di sản của cư dân thủy điện ở Quảng Ninh

Lê Hải Đăng \*

**Tóm tắt:** Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh đang triển khai dự án đưa cư dân thủy điện lên bờ nhằm: nâng cao chất lượng cuộc sống tốt hơn mà vẫn bảo tồn được những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng người này và bảo vệ môi trường Vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới, với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dựa vào hoạt động du lịch. Bài viết trình bày những giá trị văn hóa biểu hiện trong mối quan hệ gia đình, dòng họ và cộng đồng cư dân thủy điện ở Quảng Ninh và những biến đổi do tác động của việc thay đổi môi trường sống.

**Từ khóa:** Quan hệ gia đình; quan hệ dòng họ; cư dân thủy điện; Vịnh Hạ Long.

## 1. Mở đầu

Theo khuyến nghị của Tổ chức giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) về việc dân số vùng lõi Vịnh Hạ Long phát triển quá nhanh làm ảnh hưởng đến công tác bảo tồn di sản, tỉnh Quảng Ninh đang thực hiện dự án đưa ngư dân lên bờ sinh sống nhưng vẫn bảo tồn và phát triển các làng chài trên Vịnh Hạ Long, đồng thời giúp những cư dân đang sống lênh đênh nơi sông nước có chỗ ở ổn định, được tiếp cận với dịch vụ y tế, giáo dục và các vấn đề an sinh xã hội khác. Dự án chỉ rõ, ngư dân được định cư trên bờ vẫn là chủ thể các hoạt động làng chài của mình. Hàng ngày, ngư dân vẫn xuống Vịnh Hạ Long để đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, làm dịch vụ du lịch,... các hoạt động đó gắn với bảo tồn, phát triển các sản phẩm du lịch tại các làng chài. Đây là cuộc chuyển đổi vì đảm bảo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần cho ngư dân, hướng ngư dân vào hoạt động du lịch và bảo vệ môi trường Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. Như vậy, dự án này sẽ có tác động đến đời sống của cư dân thủy điện về nhiều chiều cạnh, thúc đẩy

biến đổi văn hóa. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến các mối quan hệ của cư dân này dưới các góc độ gia đình, dòng họ, nơi cư trú và tập quán sinh kế... được coi như một phần giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng người này.

## 2. Cư dân thủy điện ở Vịnh Hạ Long

Theo các lão ngư của hai làng Giang Vông và Trúc Vông hiện đang sống ở xã Hùng Thắng thì xưa kia địa phận của xã Giang Vông từ ven đồi Cái Mắm của xã Tiêu Giao trở về Bang Trới thuộc khu vực Đá Trắng. Còn xã Trúc Vông từ ven quả đồi đó trở về Hòn Gai. Sau Cách mạng Tháng Tám, làng Giang Vông được đổi tên là xã Độc Lập, còn làng Trúc Vông đổi là Thành Công.

---

(\*) Tiến sĩ, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
ĐT: 0912151915. Email: lehaidang74@gmail.com.  
Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài “Định cư trên bờ và biến đổi văn hóa của cư dân thủy điện ở vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) và đảm phá Tam Giang - Cầu Hai (Thừa Thiên Huế)”, mã số: IV5.3-2012.21.

Khi người Pháp quay lại chiếm đóng Hòn Gai, Bãi Cháy và tiếp đó là cuộc kháng chiến chống Pháp quyết liệt, dân chài hai làng Giang Vông, Trúc Vông phiêu dạt, tan tác. Năm 1948, chính quyền ta củng cố lại tổ chức các xã, thị xã Giang Vông cùng với hai xã Xích Thổ, Đá Trắng hợp nhất thành xã Cộng Hòa thuộc huyện Hoàn Bồ. Thực chất, dân Giang Vông lúc này chỉ còn một ít thuyền đậu ở bến Bang và bến Gạo Rang, còn phần lớn đã di chuyển ra tuyến đảo ngoài. Xã Trúc Vông cũng vậy. Cũng năm 1948, huyện Cẩm Phả được thành lập. Phần lớn dân chài từ Hòn Gai, Yên Hưng tản cư ra được tổ chức lại theo các xã mới hình thành. Sau ngày vùng mỏ được giải phóng, một số dân chài trụ lại vùng đảo Bái Tử Long còn phần lớn trở về vùng Vịnh Hạ Long. Những năm 1956 - 1960, trong cao trào hợp tác hóa, các hộ dân chài sống lênh đênh được tổ chức định cư trên đất liền và vào các hợp tác xã nghề cá, đồng thời trở thành cư dân của các xã Thành Công (Hoàn Bồ), Hùng Thắng (Hòn Gai). Năm 1958, xã Thành Công nhập vào thị xã Hòn Gai; năm 1994, xã Thành Công giải thể, dân cư nhập vào phường Cao Xanh. Xã Hùng Thắng dân cư ở rất phân tán, năm 1963 được chia làm hai. Thôn Quảng Đông chủ yếu ở tuyến đảo ngoài thành xã Tân Hải. Năm 1966, xã Tân Hải của Hòn Gai và xã Thắng Lợi của thị xã Cẩm Phả đều ở tuyến đảo ngoài được cắt về huyện Cẩm Phả. Năm 1963, xã Hùng Thắng có các thôn Cửa Vạn, Cặp Dè, Cặp La ở giữa Vịnh Hạ Long và các thôn cũng lênh đênh trên thuyền nhưng ở sát bờ là các thôn Lán Bè, Bến Than, Cọc Năm. Những thôn sát bờ này dần có một số hộ làm nhà trên bờ thuộc khu vực Khe Cá (Hà Tu) và Cọc Năm. Nhưng sau đó, hầu hết các hộ sống lênh đênh đều được vận động định cư trên đất

liền thuộc địa phận phía Tây thị xã, gần Bãi Cháy và trông ra đảo Tuần Châu<sup>(1)</sup>.

Như vậy, dân chài xã Hùng Thắng có thể coi như một phần dân gốc của hai xã Giang Vông, Trúc Vông trước Cách mạng Tháng Tám. Ngoài Hùng Thắng, ngư dân còn chuyển đến cư trú ở Thành Công, Cao Xanh, bến Bang và bến Trới, huyện Hoàn Bồ, ở Tuần Châu (Tp. Hạ Long), ở xã Thắng Lợi và xã Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn.

### 3. Quan hệ gia đình

Đối với cư dân sống bằng nghề chài lưới trên biển ở Quảng Ninh, gia đình là đơn vị xã hội cơ bản, sinh sống trên thuyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Gia đình của dân thủy điện có những nét khác biệt so với cư dân sống bằng nông nghiệp. Khi chưa định cư trên bờ, mỗi gia đình có đến vài con thuyền to, nhỏ khác nhau. Thuyền to thường để ở và đánh bắt hải sản, còn thuyền bé chỉ dành cho việc đi lại tại nơi neo đậu, vào bờ khi có việc hoặc để đi câu gần nơi cư trú.

Do tính chất của lối sống dựa vào nguồn lợi mang lại từ biển nên gia đình của cư dân thủy điện là một đơn vị kinh tế tự chủ, chủ yếu vận hành trong hai thế hệ. Sống trong môi trường biển từ khi lọt lòng, một số trẻ em khoảng 10 tuổi đã có thể làm nhiều việc như người trưởng thành, tham gia thả lưới hoặc kéo lưới bắt cá, cũng có thể chèo thuyền. Phân chia công việc trong gia đình khá rõ nét, mỗi khi đi đánh cá thì người chồng chèo lái, vợ hoặc con chèo đàng mũi. Khi đánh lưới thì người vợ cầm lái còn người chồng thả lưới. Hải sản đánh bắt được nếu không có thuyền buôn đến mua tại chỗ thì cả hai vợ chồng hoặc vợ cùng con lớn mang lên bờ bán.

<sup>(1)</sup> Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2003), *Địa chí Quảng Ninh*, t.3, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.65.

Gia đình của ngư dân chủ yếu là gia đình hạt nhân. Thông thường họ có ít nhất một con thuyền vừa là nhà ở vừa làm công cụ sản xuất đồng thời cũng là phương tiện đi lại. Trường hợp gia đình gồm 3 thế hệ, có người già yếu thì phải sắm thêm một con thuyền nữa để người già và trẻ con ở, còn một chiếc chuyên dành cho việc đi đánh cá hàng ngày. Khi con lớn lấy vợ thì phải sắm thuyền và cho ở riêng.

Những gia đình khá giả thường sắm thuyền cho con trai ngay khi vừa đến tuổi trưởng thành. Trường hợp bố, mẹ quá nghèo chưa sắm nổi thuyền, cặp vợ chồng trẻ buộc phải sống chung thuyền và buồng lái là khu vực riêng của họ, trừ khi cả gia đình dùng nơi này làm chỗ ăn cơm. Có trường hợp sau khi cưới một thời gian ngắn, cặp vợ chồng tuy vẫn ở chung nhưng được cha mẹ bố trí cho ăn riêng, tự lo kinh tế để sắm thuyền<sup>(2)</sup>.

Những trường hợp con trai sau khi cưới vẫn phải tiếp tục sống cùng bố mẹ là không nhiều.

Về thừa kế tài sản, với cư dân sống bằng nghề đi biển, tài sản lớn nhất và quan trọng nhất là con thuyền và ngư cụ. Bởi vậy, bố mẹ chỉ lo cho mỗi con được một cái thuyền hoặc một hai tấm lưới đánh cá đã là sự cố gắng lớn, ngoài ra cũng không có thứ tài sản giá trị nào khác. Nếu có thì phần nhiều con trưởng hoặc con út được hưởng. Con thứ chỉ được trong trường hợp cha mẹ đang sống với người đó. Khi bố mẹ qua đời, con trưởng có trách nhiệm chính về mọi khía cạnh trong tổ chức tang lễ, phần còn lại sẽ do những người con thứ đóng góp thêm. Nếu bố mẹ không còn thì anh cả là người thay thế, đứng ra lo chuyện vợ, chồng cho các em thành gia thất.

#### **4. Quan hệ dòng họ**

Theo tài liệu thư tịch, cư dân thủy diện sống rải rác trên các vùng biển Quảng Ninh

đều có nguồn gốc từ hai ngôi làng Giang Vông và Trúc Vông. Các dòng họ phổ biến của cư dân thủy diện là các họ Phạm, Đinh, Nguyễn, Vũ, Dương, Hồ, Lê..., trong đó phổ biến nhất vẫn là họ Phạm và họ Nguyễn.

Mặc dù sống lênh đênh trên biển nay đây mai đó, nhưng người dân vẫn luôn ý thức về dòng họ của mình. Trước đây, vì tính chất của nghề đánh cá trên biển là không cố định một chỗ nên không có trường lớp và người dân cũng chẳng có thời gian và điều kiện để đi tìm con chữ. Vì vậy, việc ghi chép gia phả là điều xa xỉ, họ chỉ nhớ đến các vị tổ tiên vài đời gần nhất và cúng vào ngày mát, nếu không nhớ thì ngày giỗ thường được tiến hành vào dịp cuối năm và ngày tết. Khi đến dịp giỗ tổ, người dân trong họ mới bàn bạc, thống nhất quy mô đám giỗ thế nào các gia đình mới tiến hành đóng góp để thực hiện.

Các gia đình trong cùng một dòng họ thường đi làm biển cùng nhau trong ngư trường nhất định. Việc đi cùng nhau là cần thiết, vừa để hỗ trợ nhau trong việc chài lưới vừa có thể giúp nhau khi khó khăn hoạn nạn do bão biển hay những rủi ro khác mà nghề đi biển thường gặp phải. Tuy nhiên, tính tự cấp tự túc, tự lo, tự chủ của họ rất cao. Tinh thần cộng đồng huyết thống, ý thức về “một giọt máu đào hơn ao nước lã” thể hiện rất rõ nét ở cư dân chài lưới.

Với cư dân đi biển, nơi có thể đỗ thuyền an toàn và kín gió, thường quần tụ thuyền bè của các gia đình có quan hệ cha con, anh em, họ hàng với nhau. Khi chưa đến cơ nước, các cụm gia đình có quan hệ huyết thống này cùng nhau neo thuyền trong một khu vực để nghỉ ngơi, ăn uống và trao đổi kinh nghiệm về nhận biết luồng cá, kinh nghiệm ngư trường. Đến cơ nước, tất cả các

<sup>(2)</sup> *Sđd*, tr.57.

gia đình đó đều đến một khu vực nhất định để cùng nhau đánh cá. Do đặc điểm này nên mỗi dòng họ đều có một miếu thờ ông tổ và thờ thần biển, đặt trên núi, gần nơi cư trú, cả họ phải sửa lễ để cầu khẩn tại miếu này vào ngày quy định và vào các ngày sóc, vọng. Những người thuộc các dòng họ khác cũng có thể đến đây lễ nhờ. Có thể nói đây giống như nhà thờ tổ và khi di chuyển đến vùng biển khác để sinh sống dòng họ đó sẽ mang bát hương ở miếu thờ đó đến vùng biển mới để tiếp tục thờ cúng<sup>(3)</sup>.

Trong cộng đồng dân chài, mỗi dòng họ thường có một hoặc vài người làm nghề thầy cúng để giúp cho các gia đình trong dòng họ thực hiện các nghi lễ cần thiết như tế tổ, cúng giải hạn, cúng chuộc hồn cho người chết non,... Ngoài ra, ông ta còn có thể xem tử vi, thuật phong thủy và có thể lên đồng. Vì thế, những ông thầy này còn được gọi là ông “đồng”. Theo giải thích của ông Phạm Văn Thắng (thầy cúng ở xã Thắng Lợi) thì có hai loại thầy đồng, đó là thầy đồng “chín” và thầy đồng “sóng”. Với thầy đồng “sóng” là do các cụ tổ tiên nhập hồn vào người nào đó trong dòng họ và người đó có khả năng cúng bái và lên đồng. Thường những người được tổ tiên nhập hồn vào là những người có “căn”, họ sinh ra là để làm việc đó cho dòng họ, nếu không theo đuổi nghiệp tổ tiên trao truyền để giúp đỡ dòng họ thì người đó sẽ gặp nhiều rủi ro trong cuộc sống. Còn thầy đồng “chín” là do yêu thích công việc lễ bái nên tự tìm thầy theo học mà thành; loại thầy đồng này ngoài khả năng kiêu linh hồn tổ tiên còn có thể lên đồng để gọi hồn Thánh.

Với người làm nghề thầy cúng, điện thờ là quan trọng nhất, bởi vậy dù cho thuyền cỡ nào cũng phải dành một vị trí để đặt điện thờ. Người làm thầy cúng đóng vai trò quan trọng đối với đời sống tâm linh của cộng

đồng cư dân đi biển. Trong một gia đình, mỗi khi có một đứa trẻ ra đời, có con dâu, con rể mới hay khi gặp chuyện rủi ro, ốm đau hoặc sắm được thuyền mới, lưới mới... đều phải mời thầy cúng đến làm lễ. Người ta cũng nhờ ông chỉ hướng đi làm ăn vào dịp đầu năm, đầu mùa hoặc đầu tháng cho một gia đình nào đó, thậm chí cho cả một dòng họ sau khi đã hành lễ<sup>(4)</sup>. Nhiều năm nay, cư dân thủy điện đã định cư trên bờ, có nhà trên đất liền để ở, để trú mưa bão cho người già và trẻ nhỏ. Vì vậy không gian cư trú rộng rãi hơn nên gia đình thầy đồng sử dụng gian giữa để xây điện thờ với các bệ thờ đặt tượng theo tầng lớp, thứ bậc trên dưới trông rất hoành tráng và trang nghiêm.

#### 5. Quan hệ cư trú và đi biển

Trước đây, cư dân thủy điện sinh sống trên thuyền, do đặc trưng làm nghề cá trên biển mà ở mỗi chòm thường quy tụ những cụm gia đình có quan hệ anh em họ hàng với nhau. Điều đó thể hiện rất rõ quan hệ huyết thống trong cư trú, tạo nên tính chất cư trú theo dòng họ, còn quan hệ láng giềng khá mờ nhạt. Các làng chài trên Vịnh Hạ Long như Cửa Vạn, Vung Viêng... là nơi tập trung của các gia đình cùng dòng họ tụ thành chòm, ở đó là khu vực có độ sâu vừa phải, xung quanh được bao bọc bởi những ngọn núi đá vôi, vì thế chỗ đó rất kín gió tránh được cơn bão biển đe dọa.

Cư dân thủy điện, thường di chuyển để tìm ngư trường mới để đánh cá do ngư trường truyền thống bị khai thác cạn kiệt, do tín ngưỡng (chẳng hạn họ tin rằng, khu vực cũ bị “động”, bị hà bá quấy nhiễu nên đàn cá sợ đi hết, dịch bệnh, hỏa hoạn,...).

Do tính chất lối sống bám biển (hôm nay là chỗ neo đậu của gia đình này nhưng ngày mai có thể lại thuộc một gia đình khác) nên

(3), (4) *Sđd*, tr.58, 58 - 59.

khái niệm sở hữu không gian cư trú không quá đề cao. Nếu như trên đất liền mà xảy ra xích mích, bất đồng thì người ta thường nhường nhịn nhau, tránh xô xát để giữ quan hệ láng giềng. Còn đối với cư dân thủy diện, nếu có chuyện đó xảy ra thì người ta giải quyết đơn giản bằng cách nhổ neo chèo thuyền đi chỗ khác, và có khi chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa.

Trên thực tế, cho dù những gia đình neo đậu thuyền gần nhau để sinh sống có quan hệ họ hàng hay láng giềng thì họ vẫn ý thức rất sâu sắc về sự nương tựa vào nhau. Điều đó được biểu hiện rất rõ qua việc neo thuyền để nghỉ ngơi, sinh hoạt sau mỗi chuyến đi biển. Về nguyên tắc mỗi con thuyền đều có mỏ neo để khi đỗ thuyền thì thả xuống biển, nhưng nhiều khi chỉ cần một thuyền thả neo, các con thuyền đậu xung quanh cứ thế buộc dây với chiếc thuyền đó hoặc buộc dây chuyền nhau. Ông Nguyễn Văn Hùng (ngư dân ở đảo Thắng Lợi, Vân Đồn) cho biết cách neo thuyền như thế với mục đích tránh thuyền trôi dạt vừa thuận tiện cho việc qua lại giữa các thuyền. Trường hợp gia đình nào đó mới đến sinh sống thì không được phép neo kiểu kết thuyền mà chỉ sau một thời gian cư trú quen thuộc mới được phép neo cùng.

Đối với cư dân thủy diện, cuộc sống nay đây mai đó lênh đênh trên mặt nước phụ thuộc nhiều tự nhiên và kinh nghiệm đi biển. Họ thường làm nghề cá ở ngư trường quen thuộc, ở đó mọi người được tự do đánh bắt cá và các loại thủy sản. Tuy vùng biển rộng lớn và nguồn cá dồi dào nhưng ai may mắn thì được nhiều, không thì chỉ đủ ăn, đó là nguyên tắc tự do khai thác dù ngư trường đó thuộc hải phận làng nào. Tuy nhiên, việc đánh bắt hải sản tại các ngư trường vẫn được ngư dân tuân thủ theo các nguyên tắc lâu đời và đến nay vẫn còn giá trị.

Nếu đánh lưới theo chiều nước, người

đến đánh sau phải thả lưới sau người đến trước, và phải tính được chiều dài lưới của mình với chiều dài lưới của người đã thả trước để khỏi mắc lưới vào nhau. Thông thường các ngư dân đánh cá trong cùng một ngư trường đều biết rất rõ lưới của nhau nên việc xác định vị trí thả lưới không mấy khó khăn, vì thế ít khi xảy ra sự cố mắc lưới. Trường hợp người đến sau chưa biết độ dài lưới của người đến trước thì cũng có thể đoán được nhờ vị trí cắm cọc làm mốc và khoảng cách giữa cọc mốc với người đang thả lưới đó. Nếu phát hiện được đàn cá đang di chuyển trong ngư trường thì thả lưới đón đường di chuyển đó. Trong trường hợp này người đến sau vẫn phải thả lưới sau người đến trước. Nói chung trong cả hai trường hợp, quyền và vị trí thả lưới trước là rất quan trọng, là căn cứ để xác định vị trí của người đến sau. Việc tranh chấp của ngư dân chủ yếu xảy ra ở khâu này. Nhìn chung, dù cùng làng hay khác làng, ngư dân đều tôn trọng vị trí và quyền của người thả lưới trước. Vì hầu hết ngư dân ở Vịnh Hạ Long và xã Thắng Lợi đều có nguồn gốc từ hai làng Giang Vồng và Trúc Vồng, họ đều quen biết nhau, nên các hiện tượng tranh chấp ít khi xảy ra<sup>(5)</sup>. Quan hệ giữa ngư dân ở đây với người mới đến từ các làng chài khác thì cũng theo những qui ước đã định hình từ rất lâu ở vùng biển này. Khi người mới đến làm nghề cá tại ngư trường mới thuộc hải phận một làng khác lại càng phải tuân thủ những nguyên tắc đó.

Cư dân thủy diện không chỉ sinh sống trên thuyền mà nhiều gia đình có điều kiện mua nhà trên đất liền, vì thế sau mỗi chuyến đi biển bà con ngư dân ghé thuyền neo đậu vào bờ hoặc đậu hẳn thuyền ở bãi cát để bán hải sản đánh bắt được và về nhà nghỉ ngơi. Khi để thuyền ở bãi cát, người ta

<sup>(5)</sup> *Sđđ*, tr.64.

dùng cuộc tạo cái giằm và dẫn nước biển vào để thuyền có thể ra vào và đậu cố định tại đó. Do lên bờ thường xuyên nên các giằm cũng trở nên tương đối ổn định và thuộc quyền chiếm hữu của những chủ thuyền nhất định. Vì thế, mỗi chủ thuyền phải có một cái nêu với dấu hiệu riêng để thông báo về quyền chiếm hữu của mình đối với cái giằm đó để cho người khác khỏi đổ nhầm vào giằm của mình.

Những năm gần đây, tỉnh Quảng Ninh triển khai chủ trương, chính sách đưa dân vạn chài sinh sống trên Vịnh Hạ Long lên bờ định cư kèm theo đó là các chính sách hỗ trợ về nhà ở nhằm tạo điều kiện cho ngư dân có cuộc sống ổn định hơn, đảm bảo an toàn tính mạng cho họ mỗi khi mùa mưa bão về, trẻ em được đi học, người già được chăm sóc y tế, môi trường sinh thái vịnh được tốt hơn,... Nhờ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hàng trăm hộ dân vạn chài trong tỉnh đã có đất trên bờ để sinh sống, thực tế dự án đã mang lại nhiều lợi ích cho người dân, tuy nhiên đâu đó vẫn còn những bất cập cần được điều chỉnh. Đó là việc nhiều hộ dân vạn chài được hỗ trợ lên bờ, sau khi nhận nhà không lâu đã quay trở lại với cuộc sống trên sông nước.

Đến khu tái định cư của cư dân thủy điện ở phường Hà Phong chúng tôi thấy nhà cửa được xây dựng khang trang, hệ thống điện, đường, trường, trạm... đầy đủ, vì thế người dân rất phấn khởi khi được lên bờ. Tuy nhiên, quan sát kỹ vẫn có những ngôi nhà đóng cửa im ỉm, một số ngôi nhà chỉ có sự hiện diện của những cụ già và trẻ nhỏ. Qua trao đổi với chính quyền phường Hà Phong, chúng tôi được biết, để tạo điều kiện cho cư dân vạn chài an cư, lập nghiệp ổn định trên bờ, tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức các lớp đào tạo nghề cho cư dân vạn chài, đặc biệt là chị em phụ nữ, song do trình độ dân trí thấp, hầu hết đều không biết chữ, hơn nữa

thu nhập từ nghề lại thấp nên không mấy ai chịu ở trên bờ làm nghề.

Nhìn vào thực tế dễ nhận thấy rằng để giúp cư dân vạn chài ổn định được cuộc sống, chính quyền các cấp ở địa phương đã rất nỗ lực tạo cho họ chiếc “cần câu”, đó là cho học và tạo nghề, cho vay vốn, tuy nhiên sự nỗ lực đó vẫn chưa thể giúp họ có cuộc sống ổn định ở trên bờ. Nguyên nhân một phần do bản thân cư dân vạn chài không quyết tâm, nỗ lực học hỏi để bám trụ trên bờ, cộng thêm vào đó là thói quen sống nay đây, mai đó. Phần vì việc đào tạo nghề chưa phù hợp với trình độ, nhận thức của bà con, không mang lại hiệu quả nên họ trở lại với cuộc sống sông nước.

Ngoài ra, một nguyên nhân nữa là việc thực hiện các giải pháp quy hoạch tổng thể về nhà ở - cảng cá - bến neo tàu thuyền chưa được thực hiện đồng bộ; điều đó vô hình chung gây khó khăn cho đời sống sinh kế của người dân và là lực cản tính hiệu quả của dự án này.

Chủ trương, chính sách đó cũng tác động thúc đẩy biến đổi văn hóa của ngư dân sống quanh vịnh. Ở trên Vịnh Hạ Long trước đây, người dân sống theo chòm, theo vụng, theo các dòng họ, các tộc biểu tham gia giải quyết các vấn đề của dòng họ mình. Những ngư dân đã sống trên bờ lâu năm ở phường Hùng Thắng và khu tái định cư Hà Phong thì tính chất cư trú theo huyết thống không còn, thay vào đó là lối cư trú quan hệ láng giềng như cư dân nông nghiệp. Cư dân trên biển có tập quán sống hài hòa, ít xảy ra những mâu thuẫn như của cư dân nông nghiệp, vì vậy khi lên bờ người dân phải đối mặt với khó khăn của lối sống mới.

Ở dưới biển, người dân sống theo tập quán của cư dân sông nước, khi lên bờ, mỗi gia đình sống trong một căn hộ, như vậy bối cảnh văn hóa hoàn toàn thay đổi, họ không còn không gian văn hóa để thực hành theo

kiểu truyền thống. Lối cư trú và sinh hoạt trên thuyền được thay đổi và điều chỉnh cho phù hợp với không gian cư trú trong các ngôi nhà xây trên đất liền. Với suy nghĩ con cháu ở đâu tổ tiên ở đó nên bà con ngư dân đã bốc mộ ở ngoài đảo để quy tập thành khu vực của dòng họ trong nghĩa trang thành phố. Bàn thờ tổ tiên được đặt ở nhà ông trưởng họ và việc thờ cúng, giỗ tổ được thực hiện tại đó với sự tham gia, đóng góp của con cháu, họ hàng, chứ không còn tổ chức trên thuyền như trước đây.

### 6. Kết luận

Dù định cư trên bờ nhưng người dân vẫn sống bằng nghề biển và vẫn giữ thói quen đi biển, bởi vậy những mối quan hệ gia đình, dòng họ của ngư dân đi biển không khác nhiều. Bà con vẫn tuân thủ nguyên tắc về khai thác ngư trường, neo đậu, buôn bán và kinh nghiệm về luồng cá, cơ nước, tìm kiếm ngư trường mới vẫn duy trì và ngày càng phát huy nhất là trong bối cảnh hiện nay khi nguồn hải sản ngày càng khan hiếm.

Quan hệ gia đình, dòng họ của cư dân thủy điện có những khác biệt so với cư dân nông nghiệp do lối sống dựa vào nguồn lợi biển, nhưng họ vẫn có những đặc điểm chung của dòng họ người Việt. Đó là sự tan rã loại gia đình lớn, thay vào đó là loại gia đình hạt nhân hai hoặc ba thế hệ có quan hệ sở hữu riêng. Lối sống cả trên bờ và nay đây mai đó khi đi làm biển càng đòi hỏi tính tự chủ, tự cấp, tự túc của từng hộ gia đình, đó cũng là lý do thúc đẩy ý thức sở hữu riêng. Còn mối quan hệ dòng họ khá bền chặt, được củng cố qua các nghi lễ chung của dòng họ và công việc ra khơi đánh cá, cũng như sự tương trợ giúp đỡ trong lúc khó khăn, hoạn nạn.

Dự án tái định cư người dân trên bờ đã tác động mạnh làm biến đổi nhiều về khía cạnh sinh hoạt văn hóa và thực hành tín ngưỡng dân gian do thay đổi về môi trường

sống và bối cảnh văn hóa. Vì vậy, cần có những giải pháp cụ thể vừa đáp ứng được mục tiêu của dự án là mang lại lợi ích cho người dân, cải thiện chất lượng cuộc sống, đảm bảo sự phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả kinh tế nhưng cũng phải bảo tồn được những giá trị văn hóa truyền thống. Bởi vì những giá trị văn hóa đó đã hình thành và phát triển trong suốt quá trình lịch sử của cư dân thủy điện, tạo nên diện mạo và bản sắc của cộng đồng này mà không nơi nào có được. Các giá trị văn hóa đó tạo nên sự cố kết cộng đồng, giúp điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân và là yếu tố quan trọng để ổn định xã hội trong bối cảnh hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

1. Ban Quản lý Vịnh Hạ Long (2000), *Vịnh Hạ Long 5 năm di sản thế giới*, Kỷ yếu hội thảo, Hạ Long, Quảng Ninh.
2. Ban Quản lý Vịnh Hạ Long (2000), *Những lời đánh giá và ca ngợi*, Nxb Quảng Ninh, Quảng Ninh.
3. Nguyễn Huệ Chi (1992), *Quảng Ninh lịch sử và danh thắng*, Nxb Quảng Ninh.
4. Nguyễn Quang Lê, Trương Minh Hằng, Đặng Diệu Trang, Lưu Danh Doanh (2013), *Văn hóa dân gian làng biển Cảnh Dương*, Nxb Thời Đại, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc (1999), *Hạ Long đá và nước*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Đỗ Văn Ninh (1971), *Tìm lại dấu vết Văn Đồn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Đỗ Văn Ninh (1997), *Huyện đảo Văn Đồn*, Nxb Quảng Ninh, Quảng Ninh.
8. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2003), *Địa chí Quảng Ninh*, t.3, Nxb Thế giới, Hà Nội.
9. Đỗ Phương Quỳnh (1993), *Quảng Ninh miền đất hứa*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
10. Hoàng Minh Tường (2014), *Văn hóa dân gian làng biển Như Áng xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
11. Lê Thế Vinh, Nguyễn Hoài Sơn (2011), *Phong tục, tín ngưỡng dân gian làng biển Đông Tác*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

